

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng
- Ông Lê Hùng Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: khóm 2, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thiện P, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn chị Phạm Thị L, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P cưới nhau vào năm 2013, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do mai mối và chị cũng đồng ý kết hôn cùng anh P. Sau khi cưới chị và

anh P cùng sống chung với gia đình anh P, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối tháng 12 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do chị và mẹ chồng có cự cãi qua lại, anh P bệnh mẹ chồng nên vợ chồng cự cãi nhau và anh P đuổi chị về nhà cha mẹ ruột ở, khi vợ chồng còn sống chung thì tiền ai người ấy xài, cách một ngày là anh P đi nhậu, đánh bạc như đá gà, bài tiến lên. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh P không còn sống chung từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Khi chị về nhà cha mẹ ruột ở thì lúc đầu anh P và cha mẹ chồng có đến nhà cha mẹ ruột chị, kêu chị về chung sống cùng anh P nhưng chị không chịu về, khi chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn thì anh P cũng có gọi điện kêu chị về chung sống cùng anh P nhưng chị không đồng ý. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thiện P.

2. Về nuôi con chung: Chị và anh P chung sống có 01 con trai tên Nguyễn Thịnh P, sinh ngày 27/08/2015. Hiện con chung đang sinh sống cùng anh P và cha mẹ chồng nên chị không thể đem con chung đến Tòa án để hỏi con chung có nguyện vọng sống cùng chị hay anh P, con chung Thịnh P sống cùng anh P từ khi chị và anh P không còn sống chung từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay nhưng chị vẫn tới lui thăm nom con chung bình thường, có lần chị gửi tiền về cho con chung, sau đó hỏi lại mẹ chồng có nhận được tiền không thì mẹ chồng nói không biết việc chị gửi tiền nên từ đó chị không gửi tiền về nữa, khi chị về gặp con chung thì gửi tiền cho con, mỗi lần gửi là 1.500.000đ, chị thống nhất giao con chung Thịnh P cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân của công ty TNHH thương mại Cát Thái tại quận 9, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, chuyên sản xuất nhựa, thu nhập mỗi tháng từ 9.000.000đ đến 11.000.000đ, trừ tiền sinh hoạt cá nhân, tiền nhà trọ, tiền xăng xe thì mỗi tháng dư khoảng 4.000.000đ đến 5.000.000đ. Anh P sinh sống ở quê sản xuất giá (đỏ), bỏ mồi cho người khác, một ngày thu nhập khoảng 400.000đ – 500.000đ nhưng mẹ chồng quản lý tiền. Khi vợ chồng còn sống chung thì chi phí sinh hoạt gia đình như tiền điện, tiền nước, tiền chợ, tiền ăn thì mẹ chồng chị lo hết, chị chỉ chăm sóc con chung Thịnh P.

3. Về chia tài sản chung: Chị và anh P chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị và anh P chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thiện P, trình bày: Anh và chị L cưới nhau vào ngày 12/10/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do mai mối, sau khi cưới anh và chị L sống chung cùng với gia đình anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Nguyên nhân chị L yêu cầu ly hôn với anh là do chị L cự cãi với mẹ ruột anh nên anh có la rầy chị L sao nói chuyện với mẹ anh như vậy và nóng giận anh có đuổi chị L về nhà cha mẹ ruột ở, sau đó anh và cha mẹ anh nhiều lần đến nhà cha mẹ vợ năn nỉ rước chị L về nhưng chị L không đồng ý về chung sống cùng anh, lâu lâu anh mới đánh bài, đá gà, không có cách ngày nhậu ngày. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Anh và chị L không còn sống chung cách nay hơn 01 năm. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh không thống nhất ly hôn, vì còn thương chị L. Về con chung như chị L trình bày, anh thống nhất nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thịnh P, sinh ngày 27/8/2015 và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung đều không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Thiện P. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thịnh P, sinh ngày 27/08/2015 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phạm Thị L có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Thiện P. Hiện anh P đang cư trú tại khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Thiện P được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển 01, ngày 29/11/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị L là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị L cho rằng đã có mâu thuẫn với anh P là có thật. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị L, anh P đoàn tụ nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn, vì không còn tình cảm với anh P nên vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay, vợ chồng cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Anh P không đồng ý ly hôn, vì còn thương chị L tuy nhiên khi Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh P không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị L. Đồng thời, anh P nhiều lần năn nỉ chị L để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị L không đồng ý. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa chị L, anh P không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị L yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Thiện P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Nguyễn Thịnh P, sinh ngày 27/08/2015 hiện đang sinh sống cùng anh P đã được đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời, chị L thống nhất giao con chung Thịnh P cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, nghĩ nên tiếp tục giao con chung Thịnh P cho anh P được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị L theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh P thống nhất trình bày: Anh chị chung sống không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Phạm Thị L chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004109 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị L. Cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Thiện P.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Nguyễn Thịnh P, sinh ngày 27/08/2015 cho anh Nguyễn Thiện P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Chị Phạm Thị L không phải cấp dưỡng nuôi do anh P tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị L lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004109 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/01/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thùy Dung